TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06** /2017/HNGĐ -PT
Ngày 07 tháng 6 năm 2017
V/v: Ly hôn và tranh chấp chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Lưu Hồ Loan
- *Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thanh Hương
Ông Nguyễn Xuân Thủy

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Ông Lương Hữu San – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thúy Vân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 06 và 07 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2016/TLPT- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2016 về "*Ly hôn và tranh chấp chia tài sản khi ly hôn"*.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 140/2016/HNGĐ - ST, ngày 06/7/2016 của Tòa án nhân dân D bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2017/QĐ-PT, ngày 18 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Đinh Ngọc H**, sinh năm 1962

Địa chỉ: Số nhà A, xóm B, xã I, D, tỉnh TuyênQuang. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đàm Quốc C – Luật sư thuộc Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quốc C, Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị **Đào Thúy Q**, sinh năm 1965

Nơi ĐKHK: Xóm B xã I, D, tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ cư trú hiện nay: Xóm F, xã I, D. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Bùi Thị L – Luật sư văn phòng luật sư Bùi L, Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị Mai L1, sinh năm 1965, địa chỉ: Số nhà O tổ P, H, D. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Đào Thị Kim T, sinh năm 1961, địa chỉ: Số nhà N, tổ X, phường K, D. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1940, địa chỉ: Số nhà Y tổ Z, phường M, thành phố D. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Đinh Ngọc H và bị đơn chị Đào Thúy Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/8/2014 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Đinh Ngọc H trình bày:

Anh và chị ĐàoThúy Q kết hôn ngày 14 tháng 12 năm 1988, tại Ủy ban nhân dân xã I, thị xã D, tỉnh Hà Tuyên (nay là tỉnh Tuyên Quang). Năm 1979, anh H đi bộ đội đến năm 1983 anh chuyển ngành về làm công nhân xí nghiệp xi măng G Hà Tuyên, nay là công ty cổ phần xi măng Tuyên Quang, chị Q làm y sỹ tại bệnh xá Lâm trường G1, nay chị công tác tại Bệnh viện đa khoa tỉnh D. Đầu năm 1993 anh H chuyển vào làm ở xí nghiệp quốc doanh đánh cá tại quận F1, thành phố M1, đến năm 1996 anh H về nhà là lao động tự do cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không hạnh phúc từ năm 1996, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình góp ý hòa giải, công an xã I và công an khu vực đã 02 lần đến giải quyết. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 đến nay không còn quan tâm đến nhau vì vậy, anh H đề nghị tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Đào Thúy Q.

Về con chung: Hai con chung của anh chị đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Do không thỏa thuận được về phân chia tài sản chung nên anh H đề nghị Tòa án chia các tài sản bao gồm:

- 01 nhà xây 02 tầng, xây dựng năm 1996 trên diện tích đất 232m^2 (theo kết quả thẩm định tại chỗ) tại xóm B, xã I, thành phố D, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD Đ) tên người sử dụng đất hộ bà Đào Thúy Q, ông Đinh Ngọc H. Đề nghị được sử dụng nhà, đất có nghĩa vụ trả chênh lệch tài sản cho chị Q.

- 01 xe ô tô BKS 22A - 00287 trị giá 269.932.500đ (theo kết quả định giá), từ khi mua xe đến nay chỉ mỗi mình chị Q sử dụng, nên anh H đề nghị tòa án giao cho chị Q sử dụng xe và trả cho anh trị giá ½ xe ô tô.

- Về tài sản đồ dùng, vợ chồng anh tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

-Về vay nợ: Vợ chồng anh hiện nay không vay nợ ai, còn chị Q vay nợ của ai thì chị Q có trách nhiệm tự trả, anh không có trách nhiệm với số tiền nợ chị Q đã vay.

**** Bị đơn chị Đào Thúy Q trình bày:***

Chị thừa nhận tình trạng kết hôn như anh H trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng chị chuyển đến tập thể bệnh xá Lâm trường G1 (nơi chị công tác) ở, đến

năm 1989 chị chuyển công tác về Bệnh viện đa khoa tỉnh D trong năm đó vợ chồng chị được UBND xã I cắm cho thửa đất ở, sau đó anh chị bán đi mua thửa đất ở hiện nay. Trong thời gian chung sống tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2014, chị nhất trí ly hôn với anh H.

- Về con chung: Các cháu đã trưởng thành anh chị không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Q thống nhất số lượng, trị giá tài sản như anh H đã trình bày, chị đề nghị chia đôi nhà và đất cho mỗi bên sử dụng.

Chị sử dụng xe ô tô trả tiền trị giá ½ xe ô tô cho anh H

Tài sản đồ dùng nhất trí như anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ: Chị Q đề nghị chia đôi nghĩa vụ trả các khoản nợ gồm:

Năm 2009 do sửa nhà nên chị Q có vay của chị Nguyễn Thị Mai L1, số tiền 150.000.000đ, chị Q là người viết giấy vay tiền ngày 01/5/2009.

Ngày 15/9/2011 chị Q vay của chị gái là chị Đào Thị Kim T, 05 cây vàng SJC để mua ô tô Lacelti, chị Q đã trả được 02 cây vàng SJC, hiện nay còn nợ chị T 03 cây vàng.

Ngày 18 hoặc ngày 19/9/2011 chị Q vay của bố mẹ đẻ là ông Đào Trọng T1 (ông Thái đã chết) và bà Nguyễn Thị D1 số tiền 50.000.000đ để mua ô tô Lacelti, thủ tục vay chuyển tiền từ số tiền tiết kiệm gửi tại Ngân hàng của bố mẹ chị vào tài khoản của chị Q.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đào Thị Kim T trình bày:***

Chị là chị gái của chị Đào Thúy Q, ngày 15/9/2011 chị Q hỏi vay tiền mua ô tô, nhưng chị T chỉ có vàng nên cho chị Q vay 05 cây vàng SJC, tại thời điểm cho vay giá vàng là 47,17 triệu đồng một cây vàng, đến ngày 25/01/2014 chị Q đã trả được 02 cây vàng SJC, còn nợ lại 03 cây vàng SJC. Chị T yêu cầu chị Q và anh H phải trả cho chị 03 cây vàng SJC.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Mai L1 trình bày:***

Chị và chị Q là bạn học cùng nhau từ nhỏ, hai gia đình vẫn giúp đỡ nhau những lúc gặp khó khăn, cụ thể anh H cũng nhiều lần trực tiếp vay tiền của chị L1, sau đó lại trả. Ngày 01/5/2009 gia đình chị Q có sửa nhà và hỏi vay vợ chồng chị L1 số tiền 150.000.000đ, có giấy tờ vay nợ do chị Q viết cho chị, lúc đó vợ chồng chị Q còn chung sống hòa thuận, chị L1 đề nghị chị Q và anh H có trách nhiệm trả cho chị số tiền 150.000.000đ, mỗi người trả 75.000.000đ.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D1 trình bày:***

Tháng 9 năm 2011 bà D1 cho chị Đào1 Thúy Q (là con gái) vay số tiền 50.000.000đ, để vợ chồng chị Q mua ô tô, bà chuyển số tiền 50.000.000đ từ sổ tiết kiệm của vợ chồng bà vào tài khoản của chị Q, khi cho vay tiền vợ chồng chị Q vẫn sống hạnh phúc, bà D1 đề nghị anh chị phải trả cho bà số tiền 50.000.000 đ trước khi giải quyết ly hôn.

Vụ kiện trên đã được Toà án nhân dân thành phố D thụ lý, hoà giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 140/2016/HNGĐ - ST, ngày 06/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố D quyết định:

Áp dụng: Điều 28,144,147, 220 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 28, 33, 34, 59, 27, 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 471, 473, 474, 475, 477, 305 Bộ luật Dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị Quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tài sản chung: Tuyên bố tài sản nhà xây cấp IV, tổng diện tích xây dựng 315,23 m^2 và diện tích đất 232m^2, trong đó đất ở nông thôn 200m^2, đất trồng cây lâu năm 32m^2, tại thửa đất số 02209.36.143, tờ bản đồ số 36 địa chỉ thửa đất tại xóm B, xã I, thành phố D, tỉnh Tuyên Quang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 846351; số vào sổ cấp giấy CNQSD đất: H 00746/TĐ được UBND thị xã D cấp ngày 05 tháng 5 năm 2006 là tài sản chung của anh Đinh Ngọc H và chị Đào Thúy Q.

- Anh Đinh Ngọc H được quyền sở hữu tài sản nhà xây cấp IV, tổng diện tích xây dựng 315, 23 m^2, có giá trị 285.111.000đ (hai trăm tám mươi lăm triệu một trăm mười một nghìn đồng) và quyền sử dụng đất 232m^2, trong đó đất ở nông thôn 200m^2, đất trồng cây lâu năm 32m^2, tại thửa đất số 02209.36.143, tờ bản đồ số 36 địa chỉ thửa đất tại xóm B xã I, thành phố D, tỉnh Tuyên Quang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 846351; số vào sổ cấp giấy CNQSD đất: H 00746/TĐ được UBND D2 cấp ngày 05 tháng 5 năm 2006 mang tên người sử dụng đất ông Đinh Ngọc H bà Đào Thúy Q. Có các mặt tiếp giáp như sau: Phía bắc giáp đất hộ gia đình ông Cao Thế L2, phía nam giáp đường H2, phía đông giáp đất hộ gia đình bà Trần Thị H3, phía tây giáp đất hộ gia đình ông Vũ Xuân H4, có giá trị 120.960.000 đ (Một trăm hai mươi triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 406.071.000đ (*Bốn trăm linh sáu triệu không trăm bảy mươi mốt nghìn đồng*).

- Chị Đào Thúy Q được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng 01 xe ô tô nhãn hiệu DAEVV00, số loại LaCETTiSE -1, biển kiểm soát 22A - 002.87 có trị giá 269.932.500đ (Hai trăm sáu mươi chín triệu chín trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng).

- Xử buộc anh Đinh Ngọc H phải có trách nhiệm thanh toán tiền chia tài sản chung cho chị Đào Thúy Q 68.069.250đ, (Sáu mươi tám triệu không trăm sáu mươi chín nghìn hai trăm năm mươi đồng).

2. Về vay nợ chung: Xử buộc anh Đinh Ngọc H và chị Đào Thúy Q phải có trách nhiệm trả cho chị Đào Thị Kim T 03 cây vàng SJC, trong đó anh H phải trả cho chị T 15 chỉ vàng SJC, có trị giá 56.944.998đ (Năm mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm chín mươi tám đồng), chị Đào Thúy Q phải

trả cho chị T 15 chỉ vàng SJC, có trị giá 56.944.998đ (năm mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm chín mươi tám đồng).

- Xử buộc anh Đinh Ngọc H và chị Đào Thúy Q phải có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Mai L1 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng); trong đó anh H phải trả số tiền 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng); chị Đào Thúy Q phải trả số tiền 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng);

- Xử buộc anh Đinh Ngọc H và chị Đào Thúy Q phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị D1 số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng); trong đó anh H phải trả số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng); chị Đào Thúy Q phải trả số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn giải quyết về quan hệ hôn nhân, về con chung, về án phí nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 20/7/2016 Tòa án nhận đơn kháng của chị ĐàoThúy Q với các nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết về tài sản chung gồm 01 nhà xây 3 tầng (1gian thụt, 1 gian thò) trên diện tích đất 232m^2 có chiều rộng bám mặt đường 16m, chiều sâu 30m. Phần đất xây nhà chiều rộng bám mặt đường 9m, phần đất chưa xây dựng chiều rộng bám mặt đường rộng 7m phía sau rộng 4m. Tại cấp sơ thẩm chị đề nghị chia đôi nhà đất, chia đôi xe ô tô chị sử dụng xe và trả tiền cho anh H, chia đôi nghĩa vụ trả nợ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại chia cho anh H sử dụng toàn bộ nhà đất chị được sử dụng xe ô tô và số tiền 68.069.250đ chị không nhất trí. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm, định giá lại tài sản là nhà đất, thẩm định lại tài sản để chia nhà đất cho các bên sử dụng đảm bảo hai bên đều có chỗ ở vì bên cạnh nhà xây còn một phần đất chưa xây dựng (hiện đang bỏ trống) có chiều rộng bám mặt đường 7m, rộng sau 4m, dài 30m.

Ngày 21/7/2016 Tòa án nhận đơn kháng cáo của anh Đinh Ngọc H với nội dung: Theo đơn ly hôn của vợ chồng gửi Tòa án nhân dân thành phố D ngày 11/9/2014 hai bên tự nguyện ký đơn, hai người tự chia tài sản, anh H lấy nhà đất và tài sản, chị Q lấy xe ô tô (lúc mua là 420.000.000đ) rồi chị Q bỏ đi. Nay chị Q đòi chia lại tài sản, huy động người nhà làm giấy vay nợ khống cụ thể vay của bà L1 là chị họ chị Q để sửa nhà số tiền 150 triệu; vay của bà D1 mẹ đẻ chị Q năm 2009 số tiền 50 triệu; vay của chị Đào Thị Kim T là chị gái ruột của chị Q năm 2011 là 03 cây vàng để mua xe ô tô, các giấy vay tiền trên không có chữ ký của anh. Tòa án cấp sơ thẩm không xử theo thỏa thuận tự chia tài sản của hai bên mà định giá tài sản để chia đôi, anh phải trả 50% số nợ mà chị Q và người nhà làm đơn vay nợ khống không có chữ ký của anh, là chưa thỏa đáng anh không nhất trí. Đề nghị Tòa án làm rõ chứng cứ chứng minh về khoản vay nợ do chị Q và người nhà làm khống ra, khi vợ chồng sống chung không vay nợ của ai hết, anh có bằng chứng, chứng minh các khoản thu nhập làm thêm trong những năm đó.

Ngày 25/7/2016 anh H có đơn kháng cáo bổ sung với nội dung: Kháng cáo phần vay nợ của bản án sơ thẩm, anh không nhất trí việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên anh phải có trách nhiệm trả nợ số tiền và vàng chị Q vay của bà Nguyễn Thị D1, chị Nguyễn Thị Mai L1, bà Đào Thị Kim T, các khoản nợ này anh không được vay và không được biết.

Tại phiên tòa chị Q rút yêu cầu về phần giải quyết nghĩa vụ trả nợ cho chị T, chị L1, bà D1. Chị Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị được chia 01 xe ô tô, 02 gian nhà xây (gian thò) và phần đất trống chưa xây dựng, nếu được chia chị sẽ để cho anh H được sử dụng bức tường chung, chị sẽ tự xây dựng thêm bếp và công trình phụ để sử dụng, anh H được sử dụng phần nhà và phần đất còn lại. Nếu có chênh lệch giá trị tài sản chị sẽ thanh toán trả cho anh H. Chị nhất trí việc rút yêu cầu đòi nợ của bà D1, chị L1, chị T.

Tại phiên tòa anh H rút một phần kháng cáo về nghĩa vụ trả nợ cho bà D1, chị L1, chị T. Anh H nhất trí chia cho chị Q 01 xe ô tô và phần đất trống chưa xây dựng. Anh không nhất trí chia cho chị Q 02 gian nhà xây (gian thò) vì nếu chia cho chị Q 02 gian nhà xây khi chị sửa chữa cải tạo sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ công trình nhà, do gia đình anh xây dựng nhà nhiều lần, chắp vá không cùng một lúc, sẽ làm ảnh hưởng đến việc sử dụng nhà của anh. Anh đề nghị được sử dụng toàn bộ nhà và phần đất đã xây dựng nhà, nếu tài sản được chia có giá trị nhiều hơn giá trị tài sản chia cho chị Q anh sẽ có trách nhiệm thanh toán cho chị Q phần chênh lệch giá trị tài sản. Anh nhất trí việc rút yêu cầu đòi nợ của bà D1, chị L1, chị T.

Luật sư người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị: Nguyên đơn kháng cáo về phần tài sản và nghĩa vụ trả nợ cho bà D1, chị L1, chị T. Tại cấp phúc thẩm anh H rút yêu cầu kháng cáo về nội dung này, chị Q rút yêu cầu giải quyết khoản nợ vay của bà D1, chị L1, chị T; anh H rút yêu cầu đề nghị giám định (tuổi mực) thời gian viết các giấy vay nợ của chị L1, chị T; Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà D1, chị L1, chị T rút yêu cầu khởi kiện đòi nợ được chị Q anh H nhất trí. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 310, 289, 295, 217 BLTTDS hủy một phần bản án sơ thẩm về vay nợ chung và đình chỉ giải quyết vụ án về nghĩa vụ trả nợ.

Về yêu cầu chia tài sản chung: Tài sản gồm nhà, đất và xe ô tô, chị Q đề nghị được chia 02 gian nhà xây (gian thò) là không đảm bảo vì nhà xây kiên cố nếu chia như vậy sẽ ảnh hưởng đến công năng, tính năng sử dụng, về lối đi, kết cấu công trình, ảnh hưởng đến việc sử dụng chung như tường, móng chung. Ảnh hưởng đến các quyền năng dân sự như chiếm hữu, sử dụng, định đoạt và việc cấp giấy tờ sở hữu, sử dụng. Hai vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng khi ở chung sẽ bất tiện trong sinh hoạt, đẩy mâu thuẫn lên cao. Anh H đã sử dụng nhà ổn định, chị Q không sử dụng nhà từ năm 2013 đến nay, anh H nhất trí chia cho chị Q 01 xe ô tô và diện tích đất trống để đảm bảo hai bên đều có chỗ ở riêng rẽ. Đề

nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm chia tài sản như đã phân tích theo vị trí sơ đồ thẩm định tại chỗ, kết quả định giá của cấp phúc thẩm và giải quyết về thanh toán chênh lệch giá trị tài sản.

Luật sư người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị: Tài sản chung có 01 xe ô tô chị Q sử dụng, nhà xây dựng trên đất từ năm 1994 chiều rộng bám mặt đường 6,8m theo kiểu 1 gian thụt, 1 gian thò, năm 2002 anh chị xây dựng thêm bếp, công trình phụ nối tiếp phía sau, đến năm 2008 sửa và xây thêm như hiện trạng sử dụng. Chị Q có nhiều công sức đóng góp, năm 2008 thu nhập từ lương của hai vợ chồng hơn 2 triệu không đủ chi phí sinh hoạt, tiền xây nhà chủ yếu là từ tiền làm thêm bên ngoài của chị Q theo chuyên môn. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị Q phải đi khỏi nhà, hai con hiện đang ở với chị vì vậy nhu cầu về chỗ ở là bức thiết, đề nghị Hội đồng xét xử chia tài sản theo công sức đóng góp, chia cho chị Q 01 xe ô tô, 02 gian nhà xây (gian thò) và phần đất trống, móng tường nhà chia cho anh H, đất chia đôi nếu có chênh lệch sẽ thanh toán trả cho nhau.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của nguyên đơn anh Đinh Ngọc H và bị đơn chị Đào Thúy Q hợp lệ, trong hạn luật định. Tại phiên tòa anh H rút yêu cầu kháng cáo về nghĩa vụ trả nợ. Bà Nguyễn Thị D1 có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đòi số tiền nợ 50.000.000đ, chị Đào Thị Kim T có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đòi số nợ 03 cây vàng, chị Nguyễn Thị Mai L1 có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đòi số tiền nợ 150.000.000đ. Việc rút yêu cầu khởi kiện của bà D1, chị T, chị L1 là tự nguyện được anh H, chị Q nhất trí.

Về nội dung: Đối với yêu cầu kháng cáo của anh H Tòa án cấp sơ thẩm không xử theo đơn xin ly hôn của anh, tuy nhiên sau khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án chị Q đã có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu chia tài sản chung và đã nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết phần tài sản chung của anh chị là đúng.

Về yêu cầu của chị Q đề nghị được chia 02 gian thò của nhà xây, tại biên bản xem xét tại chỗ của cấp phúc thẩm thể hiện tường của tầng 1 và tầng 2 đã có nhiều điểm bong tróc, có nhiều vết nứt, mái bê tông cốt thép tầng hai có nhiều vết nứt thấm mốc. Nếu chia theo yêu cầu của chị Q sẽ ảnh hưởng đến chất lượng công trình và giá trị sử dụng. Bên cạnh diện tích đã xây dựng còn có một khoảng đất trống (giáp với nhà xây), Phần đất này giao cho chị Q là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh H; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của anh H đã rút; đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của bà D1, chị L1, chị T, hủy một phần bản án sơ thẩm về phần vay nợ

chung; chấp nhận một phần kháng cáo của chị Q sửa bản án sơ thẩm giao cho chị Q sử dụng 01 xe ô tô, phần đất trống theo sơ đồ và biên bản thẩm định của cấp phúc thẩm. Hai bên có nghĩa vụ trả giá trị tài sản chênh lệch cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về những nội dung kháng cáo của anh Đinh Ngọc H:

- Tòa án cấp sơ thẩm không xử theo thỏa thuận tự chia tài sản của hai bên (theo đơn khởi kiện) anh được sử dụng toàn bộ nhà đất tài sản, chị Đào Thúy Q được sử dụng 01 xe ô tô DAEVV00, số loại LaCETTiSE -1, biển kiểm soát 22A - 002.87 (trị giá lúc mua 420 triệu). Tòa án lại định giá tài sản để chia đôi trị giá tài sản anh không nhất trí.

Xét thấy tại đơn khởi kiện đề ngày 21/8/2014 có chữ ký của anh Đinh Ngọc H và chị Đào Thúy Q đề nghị về phần tài sản hai bên tự chia, nhưng tại bản tự khai của chị Q (BL28) và đơn yêu cầu (BL34) chị Q đề nghị chia tài sản nhà, đất, xe ô tô và nghĩa vụ trả nợ. Chị Q đã nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài chung (BL39), cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết yêu cầu chia tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu của chị Q là đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh H xin được sử dụng toàn bộ nhà xây 2 tầng có chống nắng + tum cầu thang và phần đất đã xây dựng nhà, anh nhất trí để chị Q sử dụng 01 xe ô tô và diện tích đất trống chưa xây dựng (bên cạnh nhà xây) và trả chênh lệch giá trị tài sản cho chị Q.

- Anh H không nhất trí quyết định của bản án sơ thẩm buộc anh phải trả 50% số nợ do chị Q và người nhà chị Q làm giấy vay nợ không có chữ ký của anh. Xét thấy trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm anh Đinh Ngọc H có đơn yêu cầu Tòa án giám định tuổi mực (thời gian viết) đối với giấy vay tiền ngày 1/5/2009 người cho vay chị Nguyễn Thị Mai L1 và giấy vay vàng ngày 15/9/2011 người cho vay chị Đào Thị Kim T. Đến ngày 09/5/2017 sau khi lập biên bản thỏa thuận với chị Q, anh H đã có đơn rút yêu cầu giám định trên, chị Q có đơn xin rút yêu cầu giải quyết công nợ chung. Đồng thời anh H và chị Q đã trả nợ xong cho bà Nguyễn Thị D1 số tiền 50.000.000đ (anh H đã trả 25.000.000đ, chị Q đã trả 25.000.000đ), ngoài ra hai bên thỏa thuận chị Q có nghĩa vụ tự trả số tiền nợ 150.000.000đ cho chị L1 và 03 cây vàng cho chị T. Tại phiên tòa anh H rút yêu cầu kháng cáo về nghĩa vụ trả nợ trên vì vậy, đình chỉ xét xử đối với nội dung kháng cáo này của anh H.

Ngày 10/5/2017 bà Nguyễn Thị D1 có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đòi số tiền nợ 50.000.000đ, ngày 11/5/2017 chị Đào Thị Kim T có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đòi số nợ 03 cây vàng SJC và chị Nguyễn Thị Mai L1 có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đòi số tiền 150.000.000đ. Việc rút yêu cầu khởi kiện của bà

D1, chị T, chị L1 là tự nguyện được anh H chị Q nhất trí. Vì vậy, Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm về phần vay nợ và đình chỉ giải quyết vụ án về phần nghĩa vụ trả nợ của anh H chị Q đối với bà D1, chị L1, chị T.

2. Về nội dung kháng cáo của chị Đào Thúy Q: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm định giá lại tài sản là nhà đất, thẩm định lại tài sản để chia nhà đất cho các bên sử dụng đảm bảo hai bên đều có chỗ ở vì bên cạnh nhà xây còn một phần đất chưa xây dựng (hiện đang bỏ trống) có chiều rộng bám mặt đường 7m, rộng sau 4m, dài 30m.

Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp phúc thẩm chị Q đề nghị định giá lại tài sản là nhà xây, chị không đề nghị định giá lại đất. Cấp phúc thẩm đã tiến hành định giá lại tài sản là nhà xây và thẩm định tại chỗ đo vẽ sơ đồ hiện trạng sử dụng đất của anh H và chị Q nên có sự thay đổi về trị giá nhà (tăng lên), có sự thay đổi về diện tích đất (giảm đi, do trừ diện tích đất thuộc chỉ giới hành L1g an toàn giao thông). Theo GCNQSDĐ anh chị được cấp 238m^2 đất trong đó có 200m^2 đất ở và 38m^2 đất vườn liền kề, quá trình sử dụng anh chị đã xây tường rào xung quanh không tranh chấp với các hộ liền kề. Kết quả thẩm định tại chỗ của cấp phúc thẩm diện tích hiện trạng anh chị đang sử dụng 291,3m^2 trừ đi diện tích thuộc chỉ giới hành Lang an toàn giao thông 69,82m^2 (không được cấp GCNQSDĐ), diện tích đất anh chị được quyền sử dụng là 221,5m^2.

Xét thấy cả anh H và chị Q đều có nhu cầu về chỗ ở, ba mẹ con chị Q phải đi thuê nhà để ở từ khi ra khỏi nhà cho đến nay. Về tài sản yêu cầu chia là nhà xây 2 tầng có chống nóng + tum cầu thang, theo hai bên đương sự nhà được xây dựng từ năm 1994, đến năm 2002 xây dựng thêm bếp, công trình phụ, năm 2008 tiếp tục sửa chữa và xây dựng thêm. Như vậy ngôi nhà được xây dựng chắp vá nhiều lần trong nhiều năm, theo biên bản thẩm định, định giá tài sản thì công trình đã bị thấm mốc, bong tróc, xuống cấp theo thời gian do đó, việc chị Q đề nghị được chia sử dụng 2 gian nhà xây (gian thò) thấy rằng nếu được chia chị Q sẽ phải cải tạo lại xây dựng thêm thì mới có lối vào nhà, mới có bếp, công trình phụ, việc cải tạo lại của chị Q sẽ ảnh hưởng đến phần còn lại của ngôi nhà. Bản thân chị Q và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, nếu chia nhà để hai bên cùng sử dụng sẽ tiếp tục nảy sinh những mâu thuẫn mới, có nhiều bất tiện trong sinh hoạt. Mặt khác phần đất còn lại chưa xây dựng (sát nhà xây) tuy mảnh đất không được vuông (chiều rộng ở giữa mảnh đất bị thót vào nhỏ hơn chiều rộng phía trước và chiều rộng phía sau) nhưng vẫn đảm bảo đủ điều kiện xây dựng nhà ở công trình riêng biệt trên đất .

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Q, sửa bản án sơ thẩm giao cho chị Q được sử dụng phần đất trống chưa xây dựng có diện tích 100,48 m^2 (đất ở) thuộc thửa đất số 143, tờ bản đồ số 36 trị giá 60.288.000đ và 01 xe ô tô DAEVV00, số loại LaCETTiSE -1, biển kiểm soát 22A - 002.87 trị giá 269.932.500đ. Tổng trị giá tài sản chung

giao cho chị Q sở hữu, sử dụng có giá trị là 330.220.500đ và số tiền chênh lệch giá trị tài sản anh H trả là 18.337.800đ, tổng cộng 348.558.300đ.

Giao cho anh H được sử dụng 121m^2 đất (trong đó có 99,52m^2 đất ở và 21,5 m^2 đất vườn liền kề (làm tròn số), thửa đất số 143, tờ bản đồ số 36 trị giá 60.357.000đ và được sở hữu 01 nhà xây 2 tầng có chống nóng + tum cầu thang trị giá 306.539.200, Tổng trị giá tài sản chung giao cho anh H sở hữu, sử dụng có giá trị là 366.896.200đ. Đối với bán mái phía trước nhà (tầng 1) có trị giá 13.755.478đ xây dựng trên phần đất thuộc chỉ giới hành Lang an toàn giao thông do vậy không tính vào trị giá tài sản để chia.

Anh H có nghĩa vụ trả cho chị Q số tiền chênh lệch trị giá tài sản là 18.337.800đ.

3. Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của chị Q được chấp nhận 1 phần nên chị Q không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Do anh H rút 1 phần yêu cầu kháng cáo tại phiên tòa nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

4. Do cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên sửa án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí chia tài sản có giá ngạch như sau: Chị Q phải chịu án phí chia tài sản có giá ngạch đối với giá trị tài sản được chia, án phí được tính (348.558.300đ x 5% = 17.427.900đ) và án phí có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ 7.847.249đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp. Anh H phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, 17.427.900đ án phí chia tài sản có giá ngạch và án phí có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ 7.847.249đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

5. Về chi phí thẩm định, định giá lại tài sản: Tại cấp phúc thẩm chị Q có đơn đề nghị xem xét thẩm định tại chỗ lại, định giá lại tài sản là nhà và đã tự nguyện nộp tạm ứng chi phí thẩm định lại, định giá lại tài sản đã chi trả xong cho các cơ quan tiến hành thẩm định, định giá, chị Q không có yêu cầu về khoản tiền chi phí thẩm định, định giá nên không đề cập giải quyết.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 299, Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Hủy một phần bản án sơ thẩm về phần vay nợ và đình chỉ giải quyết vụ án về nghĩa vụ trả nợ của anh Đinh Ngọc H, chị Đào Thúy Q đối với yêu cầu khởi

kiện đòi số nợ 03 (Ba) cây vàng của chị Đào Thị Kim T; yêu cầu khởi kiện đòi số tiền nợ 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) của chị Nguyễn Thị Mai L1 và yêu cầu khởi kiện đòi số tiền nợ 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) của bà Nguyễn Thị D1.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo về nghĩa vụ trả nợ của anh Đinh Ngọc H.

3. Chấp nhận 1 phần kháng cáo của chị Đào Thúy Q sửa bản án sơ thẩm như sau:

- Giao cho chị Đào Thúy Q được sử dụng phần đất trống chưa xây dựng có diện tích 100,48m^2 (đất ở) thửa đất số 143, tờ bản đồ số 36 trị giá 60.288.000đ ; ranh giới đất được xác định bởi các điểm L', K1, I1, H1,G1,F1,M, L'. Đất có các hướng tiếp giáp như sau: Phía trước giáp chỉ giới quy hoạch của đường H2 có chiều rộng 4,75m tính từ điểm L' đến K1 (điểm L', điểm K1 cách tim đường H2 10,5m, điểm K1 cách điểm K' 20cm); Phía giáp đất của gia đình ông bà H4 T2 (là tường rào do nhà chị Q anh H xây) có chiều dài 20,65m tính từ điểm L' đến điểm M (điểm M là góc tường rào do nhà anh H chị Q xây); Phía giáp đất nhà ông L2 (có tường rào do nhà anh H chị Q xây) chiều rộng 4.15m tính từ điểm M đến điểm F1; phía giáp phần nhà, đất giao cho anh H sở hữu, sử dụng (Cách tường nhà giao cho anh H 20cm) từ điểm F1 đến điểm K1 là đường gấp khúc dài 3,9m+ 9,2m + 3,25m + 7,5m (*Kèm theo Sơ đồ hiện trạng đất, nhà và vật kiến trúc lập ngày 09/9/2016, bổ sung ngày 07/6/2017*) và 01 xe ô tô DAEVV00, số loại LaCETTiSE -1, biển kiểm soát 22A - 002.87 trị giá 269.932.500đ. Tổng trị giá tài sản chung giao cho chị Q sở hữu, sử dụng có giá trị là 330.220.500đ và số tiền anh H trả chênh lệch giá trị tài sản là 18.337.800đ tổng cộng 348.558.300đ.

- Giao cho anh H được sử dụng 121m^2 đất (trong đó có 99,52m^2 đất ở và 21,5 m^2 đất vườn liền kề) thửa đất số 143, tờ bản đồ số 36, trị giá 60.357.000đ ; ranh giới đất được xác định bởi các điểm K1, B',O',D,C,E,F1,G1,H1,I1,K1. Đất có các hướng tiếp giáp như sau; phía trước giáp chỉ giới quy hoạch của đường H2 có chiều rộng 9,05m, tính từ điểm K1 đến điểm O' rộng 9,05m; phía giáp đất ông Vũ Xuân H4 có chiều dài 19,05m từ điểm O' đến đểm E; Phía giáp đất nhà ông L2 là tường nhà xây rộng 3.55m tính từ điểm E tới điểm F1; phía giáp phần đất giao cho chị Q sử dụng tính từ điểm F1 đến điểm K1 là đường gấp khúc dài 3,9m + 9,2m+ 3,25m + 7,5m (*Kèm theo sơ đồ hiện trạng đất, nhà và vật kiến trúc lập ngày 09/9/2016, bổ sung ngày 07/6/2017*) và được sở hữu 01 nhà xây 2 tầng, có chống nóng + tum cầu thang trị giá 306.539.200đ. Tổng trị giá tài sản chung giao cho anh H sở hữu, sử dụng có giá trị là 366.896.200đ. Đối với bán mái phía trước nhà (tầng 1) có trị giá 13.755.478đ xây dựng trên phần đất thuộc chỉ giới hành lang an toàn giao thông do vậy không tính vào trị giá tài sản để chia, anh H được tiếp tục sử dụng nhưng có nghĩa vụ tháo dỡ khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Anh H có nghĩa vụ thanh toán cho chị Q phần chênh lệch tài sản trị giá 18.337.800đ.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án chị Đào Thúy Q cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án anh Đinh Ngọc H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 268 Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh Đinh Ngọc H và chị Đào Thúy Q có nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất được giao theo quy định của Luật đất đai.

4. Về án phí phúc thẩm:

- Chị Đào Thúy Q không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng)*, tại biên lai thu tiền số 0002852, ngày 29/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Tuyên Quang.

- Anh Đinh Ngọc H phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*), tại biên lai thu tiền số 0001098, ngày 25/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Tuyên Quang. Anh H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm.

5. Sửa án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí chia tài sản có giá ngạch như sau:

- Chị Đào Thúy Q phải chịu án phí chia tài sản có giá ngạch đối với giá trị tài sản được chia là 17.427.900đ *(Mười bảy triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm đồng)* và án phí có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ 7.847.249đ (*Bảy triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm bốn mươi chín đồng*) tổng cộng 25.275.000đ làm tròn số (*Hai lăm triệu hai trăm bảy lăm nghìn đồng*), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 9.375.000đ (*Chín triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 004399, ngày 03/12/2014, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố D. Chị Q còn phải nộp 15.900.000đ (*Mười lăm triệu chín trăm nghìn đồng)*.

- Anh H phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm ly hôn, 17.427.900đ *(Mười bảy triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm đồng)* án phí chia tài sản có giá ngạch và án phí có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ 7.847.249đ (*Bảy triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm bốn mươi chín đồng*), tổng cộng 25.475.000đ làm tròn số *(Hai mươi lăm triệu bốn trăm bảy lăm nghìn đồng)*, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 004329 ngày 17/10/2014, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố D. Anh H còn phải nộp tiếp 25.275.000đ *(Hai mươi lăm triệu hai trăm bảy lăm nghìn đồng)*.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (07/6/2017).

Trường hợp bản án Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND thành phố D;
- Chi Cục THADS thành phố D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lưu Hồ Loan